TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2021/HS-ST Ngày: 22-4-2021	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Tân

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị L, sinh năm 1960, tại thành phố X, tỉnh An Giang; nơi cư trú: Tổ 13, ấp MK2, xã H, thành phố X, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Nh (đã chết) và Trần Thị Đ (đã chết); bị cáo có chồng là Trần Văn D, sinh năm 1948 và 05 người con, con lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh năm 2002; bị cáo có 04 chị em, bị cáo thứ ba.

Nhân thân: Từ nhỏ đến lớn sống chung với cha mẹ, đi học hết lớp 07 thì nghỉ học. Ngày 04 tháng 12 năm 2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm xử phạt 01 năm tù về tội "Đánh bạc", đến ngày 30 tháng 4 năm 2010 chấp hành xong bản án.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24 tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lâm Thị Ch, sinh năm 1980 (có mặt)

Cư trú: Ấp MK2, xã H, thành phố X, tỉnh An Giang

Người làm chứng: Bà Cao Thị Kim C, sinh năm 1988 (có mặt)

Người chứng kiến: Bà Võ Thị Ngọc Ph, sinh năm 1966 (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 16 tháng 12 năm 2020, nhận được tố giác tội phạm của quần chúng nhân dân, Công an xã H, thành phố X phát hiện Lâm Thị Ch đến nhà của Nguyễn Thị L ở ấp MK2, xã H để mua số đề và L đang ghi phơi đề nên đã lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu giữ của L: 02 tờ phơi đề, 01 cây viết, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, 01 máy tính nhãn hiệu Casio và 19.084.000 đồng

- Thu giữ của Ch: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, 01 xe mô tô biển số 67M4-8195

Đối chiếu 02 tờ phơi đề trên xác định ngày 16 tháng 12 năm 2020, L đã bán số đề dựa trên kết quả xổ số kiến thiết thành phố Cần Thơ với số tiền 8.195.000 đồng, tỉnh Đồng Nai 1.185.000 đồng, tỉnh Sóc Trăng 665.000 đồng.

Kết luận giám định số 06/KLGT-PC09(KTSĐT) ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang: Trích xuất hình ảnh lưu trữ từ máy điện thoại nhãn hiệu Vivo của Lâm Thị Ch có 02 tờ lai đề ngày 16 tháng 12 năm 2020.

Đối chiếu 02 tờ phơi đề trên, xác định ngày 16 tháng 12 năm 2020, Ch bán số đề dựa trên kết quả xổ số kiến thiết thành phố Cần Thơ 2.078.000 đồng, tỉnh Đồng Nai 75.000 đồng và tỉnh Sóc Trăng 75.000 đồng.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị L khai: L bán số đề từ năm 2019 đến ngày bị bắt, mỗi ngày bán được từ 5.000.000 đồng đến 10.045.000 đồng, hưởng lợi từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng. L bán số đề tại nhà cho những người không rõ họ tên, địa chỉ và trực tiếp thắng thua với những người này. Khi có người mua thì L ghi lai đề giao cho họ và ghi các số đã bán vào phơi đề. Ký hiệu ghi trong phơi đề ghi số 1 tương ứng 1.000 đồng, 10 tương ứng 100.000 đồng, tỷ lệ thắng thua là 1.000 đồng trúng 80.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số thì người trúng đề đến nhà L nhận tiền, còn phơi đề L tiêu hủy. Ngày 16 tháng 12 năm 2020, L đã bán số đề dựa trên kết quả xổ số kiến thiết thành phố Cần Thơ được 8.195.000 đồng, tỉnh Đồng Nai được 1.185.000 đồng, tỉnh Sóc Trăng được 665.000 đồng. Số tiền 19.084.000 đồng bị thu giữ trong đó có 10.045.000 đồng tiền bán số đề, 8.500.000 đồng mượn của bà Cao Thị Kim C, còn lại là tiền bán tạp hóa.

Lâm Thị Ch khai nhận: Khoảng 16 giờ ngày 16 tháng 12 năm 2020, Ch đến nhà L để mua số 52 nhưng chưa kịp mua thì bị Công an phát hiện như nêu trên. Ngày 16 tháng 12 năm 2020, Ch ghi bán số đề cho nhiều người không rõ tên, địa chỉ dựa trên kết quả xổ số kiến thiết thành phố Cần Thơ được 2.078.000 đồng, tỉnh Đồng Nai được 75.000 đồng, tỉnh Sóc Trăng được 75.000 đồng. Ch dùng điện thoại chụp lại các lai đề để đối chiếu với người mua.

Võ Thị Ngọc Ph cho biết: Ph là người giúp việc nhà cho L. Ngày 16 tháng 12 năm 2020, Ph chứng kiến việc L bán số đề cho nhiều người không rõ họ tên, địa chỉ tại nhà của L, đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Công an xã H phát hiện bắt giữ.

Cao Thị Kim C trình bày: Tháng 11 năm 2020 C có cho L mượn 8.500.000 đồng để mua máy tính xách tay.

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 08 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X:

- Đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị L về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Đối với L khai bán số đề từ năm 2019 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020 với số tiền mỗi ngày từ 5.000.000 đồng đến 10.045.000 đồng. Ngoài lời khai của L ra không còn chứng cứ nào khác nên không có căn cứ để quy kết trách nhiệm hình sự đối với L về những lần đánh bạc này.

- Lâm Thị Ch có hành vi đánh bạc với hình thức bán số đề với số tiền từ 75.000 đồng đến 2.078.000 đồng là vi phạm pháp luật nhưng trước đo Ch chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc hoặc hành vi tổ chức đánh bạc hoặc đã bị kết án về tội đánh bạc hoặc tội tổ chức đánh bạc nên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc. Do đó, Công an thành phố X đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Ch là có căn cứ.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và người chứng kiến giữ nguyên lời khai, ý kiến đã trình bày trong quá trình điều tra, truy tố.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội: Giữ nguyên nội dung truy tố bị cáo Nguyễn Thị L, và đề nghị:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc". Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục.

- Áp dụng: Khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng

- Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

Tịch thu, tiêu hủy: 01 cây viết mực màu xanh không còn giá trị sử dụng;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 máy tính nhãn hiệu Casio và số tiền 10.045.000 đồng;

Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh và số tiền 9.039.000 đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo được chăm sóc con bị cáo đang bị nhiễm HIV, bị cáo đã ăn năn hối cải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an thành phố X, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Vào ngày 16 tháng 12 năm 2020, bị cáo Nguyễn Thị L đã cố ý thực hiện hành vi bán số lô, số đề tổng cộng 03 đài xổ số kiến thiết thành phố Cần Thơ, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Sóc Trăng với tổng số tiền là 10.045.000 đồng nhằm mục đích thu lợi. Hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố X.

[3] Về hình phạt:

[3.1] Bị cáo là người trưởng thành, khỏe mạnh, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã từng bị xử phạt về hành vi bán số lô, số đề nên nhận thức được hành vi đánh bạc là vi phạm pháp luật. Lẽ ra bị cáo phải cần cù lao động, sống có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng ngược lại, vì muốn nhanh chóng có tiền để tiêu xài, nên bị cáo đã cố ý thực hiện việc bán số lô, số đề cho các con bạc. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải, bị cáo là người lớn tuổi, quá tuổi lao động, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo đang phải chăm sóc con ruột bị nhiễm HIV. Vì vậy, cần xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3] Xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà áp dụng hình phạt khác ngoài hình phạt tù cũng đủ tác dụng răn đe bị cáo. Do bị cáo không có thu nhập ổn định và là người quá tuổi lao động, người già yếu nên miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án và không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo.

[3.4] Về hình phạt bổ sung: Cần thiết phải áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo để răn đe.

[4] Đối với Lâm Thị Ch có hành vi đánh bạc với hình thức bán số đề với số tiền từ 75.000 đồng đến 2.078.000 đồng là vi phạm pháp luật nhưng trước đo Ch chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc hoặc hành vi tổ chức đánh bạc hoặc đã bị kết án về tội đánh bạc hoặc tội tổ chức đánh bạc nên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc. Do đó, Công an thành phố X đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Ch là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 10.045.000 đồng do bị cáo ghi số lô, số đề mà có, 01 máy tính Casio là phương tiện phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước. Đối với số tiền 9.039.000 đồng là tiền bị cáo thu được từ việc bán tạp hóa và vay mượn của Cao Thị Kim C nên giao trả lại cho bị cáo. Đối với 01 điện thoại di động Nokia là tài sản cá nhân của bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên giao trả lại cho bị cáo.

[6] Đối với số tiền 8.500.000 đồng bị cáo khai nhận vay của bà Cao Thị Kim C, nếu bà C tranh chấp thì có quyền khởi kiện trong vụ án dân sự.

[7] Về án phí: Bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội "Đánh bạc";

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L 03 (ba) năm cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc"; thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, thành phố X, tỉnh An Giang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị L cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố X, tỉnh An Giang để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị L có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, thành phố X, tỉnh An Giang trong việc giám sát, giáo dục bị cáo L. Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian chấp hành án, bị cáo Nguyễn Thị L phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ. Bị cáo Nguyễn Thị L được miễn khấu trừ thu nhập. Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối với bị cáo Nguyễn Thị L.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị L nộp phạt số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cây viết.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 10.045.000 đồng (mười triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng); 01 (một) máy tính Casio

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 9.039.000 đồng (chín triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, model: TA-1203, IMEL: 353101117052240 (đã qua sử dụng)

(Theo Giấy nộp tiền số 12421856 ngày 07 tháng 01 năm 2021 của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh An Giang và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 3 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố X với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh An Giang)

3. Về án phí:

Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

Bị cáo Nguyễn Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ Công an tp. X (1);
- CQTHAHS Công an tp. X (1);
- CQĐT Công an tp. X (1);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Bị cáo (1); Người có QLNVLQ (1);
- Bộ phận THA Tòa án (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thùy Giang